

Bản án số: 157/2026/HNGĐ - ST.
Ngày: 13 - 4 - 2026.
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Nhanh;

Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2026/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bo T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số B Buram - R B-si, G-do, Hàn Quốc; địa chỉ liên hệ: Số B, ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Diệu O, sinh năm 1983; căn cước công dân: 094183016859; địa chỉ: Số I Đường T, phường M, thành phố Cần Thơ; phạm vi ủy quyền: Nộp hồ sơ khởi kiện, ký nhận và giao nộp các văn bản tố tụng theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/02/2026.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh T1, sinh ngày 01/01/1978; căn cước công dân: 094078006385; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam H, Trại giam S Công an tỉnh T (vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và bản tự khai lập ngày 27/02/2026 nguyên đơn bà Bo T trình bày: Bà Bo T là người gốc Việt Nam. Bà Bo T đi làm việc và sinh sống tại Hàn Quốc. Vào năm 2023, khi về Việt Nam thăm gia đình, bà có gặp gỡ và kết hôn với ông Trần Thanh T1 trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2023 ngày 31/7/2023. Sau khi kết hôn bà Bo T trở lại Hàn Quốc làm việc và tiến hành làm thủ tục bảo lãnh để ông T1 sang định cư cùng bà Bo T. Tuy nhiên, trong thời gian thử thách và chứng minh năng lực kinh tế giữa bà Bo T và ông T1 phát sinh một số vấn đề mâu thuẫn do bất đồng trong đời sống, không có tiếng nói chung, đã nhiều lần hàn gắn nhưng do khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn ngày càng xấu đi và rạn nứt. Đến tháng 09/2025, ông T1 bị bắt tạm giam thì bà B Tiroan nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên không thể nào hàn gắn, định hướng tương lai của bà Bo T và ông T1 không còn phù hợp, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình chung sống bà Bo T và ông Trần Thanh T1 không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bà Bo T yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T1; về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Bà Bo T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/3/2026 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/3/2026 bị đơn ông Trần Thanh T1 trình bày: Ông T1 thống nhất với lời trình bày của bà Bo T về thời gian kết hôn, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Bo T thì ông T1 thống nhất ly hôn. Về con chung: Không có nên không có yêu cầu gì. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Bo T và ông Trần Thanh T1 đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bo T; về con chung: Không có nên không đặt ra xét xem; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/02/2026, nguyên đơn bà Bo T trình bày: Bà và ông Trần Thanh T1 tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2023 ngày 31/7/2023. Bà Bo T yêu cầu xin được ly hôn với ông

Trần Thanh T1. Về con chung: Không có nên không có yêu cầu gì; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà Bo T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Trần Thanh T1 cư trú tại ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Bo T, bị đơn ông Trần Thanh T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Bo T và ông T1.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Bo T và ông Trần Thanh T1 tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2023 ngày 31/7/2023 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Bo T và ông T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà Bo T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Bo T, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 09 năm 2025, bà Bo T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã nhiều lần hàn gắn nhưng do khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn ngày càng xấu đi và đến khi ông T1 phạm tội, bị bắt tạm giam vào tháng 09 năm 2025 thì mâu thuẫn giữa hai bên không thể nào hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Bo T và ông Trần Thanh T1 đã sống ly thân với nhau từ năm 2025 cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/3/2026 bị đơn ông Trần Thanh T1 thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như bà Bo T trình bày. Mặt khác tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/3/2026 ông T1 đã đồng ý ly hôn với bà Bo T. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bo T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Bo T được ly hôn với ông T1.

[5]. Về con chung: Nguyên đơn bà Bo T, bị đơn ông Trần Thanh T1 xác định trong thời gian chung sống, bà Bo T và ông T1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bo T và ông Trần Thanh T1 xác định không yêu cầu về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Bo T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Thanh T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bo T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bo T được ly hôn với ông Trần Thanh T1.

1.2. Về con chung: Nguyên đơn bà Bo T, bị đơn ông Trần Thanh T1 xác định trong thời gian chung sống, bà Bo T và ông T1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bo T và ông Trần Thanh T1 xác định không yêu cầu về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bo T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003993 ngày 03/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; như vậy, bà Bo T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Thanh T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- UBND xã An Thạnh;
- TAND thành phố Cần Thơ
- (P. Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và THA);
- THADS Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh

